

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn	Lâm	3671030576	02/05/1994	6,00	1,50	2,90	
2	Võ Văn	Quang	3671030662	01/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
3	Nguyễn Hữu	Thái	3671030675	28/07/1994	5,00	4,50	4,70	
4	Dương Thanh	Xuân	3671030678	1979	,00	,00	,00	
5	Nguyễn Văn	Quyết	3671030688	03/12/1994	9,00	7,30	7,80	
6	La Thành	Vũ	3671030703	14/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
7	Nguyễn Đức	Tài	3771020328	02/10/1994	,00	,00	,00	CT
8	Huỳnh Văn	Luận	3771020705	19/05/1995	6,00	2,50	3,60	
9	Lê Trung	Phong	3771020709	27/03/1995	,00	,00	,00	CT
10	Trần Duy	Quang	3771020714	12/01/1995	10,00	7,00	7,90	
11	Trần Huy	Hùng	3771020715	10/04/1995	2,00	4,00	3,40	
12	Võ Thái	Cường	3771020719	28/09/1995	3,00	1,00	1,60	
13	Lê Quốc	Việt	3771020730	05/11/1995	6,00	2,00	3,20	
14	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3771020737	29/06/1995	,00	,00	,00	CT
15	Phạm Bá	Châu	3771020743	08/06/1995	7,00	3,50	4,60	
16	Nguyễn Khắc	Tú	3771020744	14/11/1994	4,00	4,00	4,00	
17	Võ Quyền	Linh	3771020746	02/02/1994	5,00	4,50	4,70	
18	Võ Trần Minh	Tài	3771020747	27/05/1994	6,00	5,80	5,90	
19	Phạm Văn	Thế	3771020748	01/04/1989	5,00	2,80	3,50	
20	Nguyễn Hoàng	Duy	3771020762	04/06/1995	,00	,00	,00	CT
21	Thuận Văn	Tiếp	3771020767	15/05/1993	4,00	,80	1,80	
22	Lê Minh	Thà	3771020772	02/03/1991	,00	,00	,00	CT
23	Lê Đình	Vương	3771020774	16/06/1992	6,50	,80	2,50	
24	Đào Duy	Lâm	3771020776	20/06/1995	5,00	6,30	5,90	
25	Văn Công Vũ	Bảo	3771020779	16/04/1995	,00	,00	,00	
26	Nguyễn Thanh	Huy	3771020784	18/11/1995	4,00	1,80	2,50	
27	Võ Mạnh	Cường	3771020785	02/09/1993	5,00	2,50	3,30	
28	Trần Quang	Ngọc	3771020792	10/03/1995	2,00	,50	1,00	
29	Nguyễn Tấn	Thắng	3771020796	02/06/1995	4,00	2,80	3,20	
30	Lê Tuấn	Phương	3771020800	25/10/1995	,00	,00	,00	CT
31	Đỗ Thành	Tài	3771020801	18/09/1995	,00	,00	,00	CT
32	Lê Nhật	Quang	3771020804	12/02/1995	5,00	1,30	2,40	
33	Lê Duy	Khánh	3771020807	23/05/1994	3,00	3,80	3,60	
34	Nguyễn Duy	Cường	3771020810	10/02/1995	4,00	8,00	6,80	
35	Lê Minh	Tường	3771020824	16/03/1995	1,00	,00	,30	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Khánh	Vinh	3771020826	28/06/1995	5,00	,50	1,90	
37	Bùi Hữu	Tân	3771020831	13/04/1995	2,00	1,00	1,30	
38	Nguyễn Ngọc	Tân	3771020851	26/10/1995	4,00	1,80	2,50	
39	Trần Hương	Phước	3771021087	26/03/1994	,00	,00	,00	CT
40	Nguyễn Văn	Tư	3771021100	25/05/1995	4,00	,50	1,60	
41	Trần Cao	Việt	3771021151	24/10/1995	5,00	1,30	2,40	
42	Lê Đăng	Từ	3771021165	17/12/1994	4,00	,30	1,40	
43	Nguyễn Ngọc	Luận	3771021191	20/01/1994	4,00	1,30	2,10	
44	Trần Văn	Lợi	3771021211	04/10/1994	4,00	,00	1,20	
45	Võ Duy	Tân	3771021228	10/01/1995	5,00	3,50	4,00	
46	Liêu Việt	Thành	3771021234	10/06/1993	8,00	3,30	4,70	
47	Hoàng Văn	Nam	3771021250	04/11/1992	5,00	3,00	3,60	
48	Nguyễn Văn	Dũng	3771021253	05/05/1994	5,00	2,30	3,10	
49	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3771021276	05/05/1995	2,00	2,30	2,20	
50	Trần Quốc	Triệu	3771021301	18/06/1995	1,00	4,50	3,50	
51	Phan Thanh	Đăng	3771021304	28/08/1995	8,00	2,80	4,40	
52	Trần Quốc	Tài	3771021325	22/11/1995	,00	,00	,00	CT
53	Võ Minh	Tân	3771021347	25/05/1995	2,00	2,00	2,00	
54	Lê Văn	Hậu	3771021381	05/03/1995	4,00	3,50	3,70	
55	Phạm Hữu	Hây	3771021404	09/09/1995	5,00	5,80	5,60	
56	Trần Đình	Sửu	3771021413	10/10/1994	,00			

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)